

Bản án số: 138/2020/DS-ST  
Ngày 16 - 9 - 2020  
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**  
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Huy Huệ  
*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Thị Bích Hợp  
2. Bà Trịnh Thị Xuân Hoài  
**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Trần Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn.  
**- Đại diện VKSND Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn - tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2020 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2020/QĐXXST-DS ngày 25/8/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Cụ **Trần Thị Đ**, sinh năm: 1938  
Địa chỉ: 197/4 đường C, thành phố QN, tỉnh BD.
2. *Bị đơn:* Ông **Điền Hòa B**, sinh năm: 1962  
Địa chỉ: 01/08/35 đường T, thành phố QN, tỉnh BD.
3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*
  - Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1954  
Địa chỉ: 199/4 đường C, thành phố QN, tỉnh BD.
  - Bà Điền Thị Thanh H, sinh năm: 1960  
Địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện ĐP, tỉnh BP.(Bà H ủy quyền cho ông Điền Hòa T tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền số 003672 ngày 08/5/2020 tại Văn phòng Công chứng Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh)
  - Ông Điền Hòa N, sinh năm: 1964
  - Bà Hồ Thị Tuyết L, sinh năm: 1968Cùng địa chỉ: 753 đường V, phường P, thành phố QN, tỉnh BD.
  - Ông Điền Hòa B, sinh năm: 1972  
Địa chỉ: R7 đường H, P. 10, Quận 6, TP. HCM.

(Ông B ủy quyền cho ông Điền Hòa T tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền số 003673 ngày 08/5/2020 tại Văn phòng Công chứng Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh)

- Ông Điền Hòa T2, sinh năm: 1974

Địa chỉ: 55/6 đường L, thành phố QN, tỉnh BĐ.

- Anh Điền Nhất L, sinh năm: 1992

- Anh Điền Đức P, sinh năm: 1995

Cùng địa chỉ: 41 đường S, thành phố QN, tỉnh BĐ.

(Anh L ủy quyền cho ông Điền Hòa T tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền số 2430 ngày 06/5/2020 tại Văn phòng Công chứng Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định; anh P ủy quyền cho ông Điền Hòa T tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền số 003674 ngày 08/5/2020 tại Văn phòng Công chứng Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh).

*(Các đương sự có mặt tại phiên tòa.)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2020 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn cụ Trần Thị Đ trình bày:***

Nhà và đất tại 197/4 đường C, thành phố QN là tài sản chung của cụ và cụ Điền Hòa L (chết ngày 06/4/2008). Lúc sinh thời vợ chồng cụ sinh 06 người con, gồm: Điền Thị Thanh H, Điền Hòa B, Điền Hòa N, Điền Hòa T1 (chết ngày 22/5/2001), Điền Hòa B và Điền Hòa T2. Ông T1 sinh thời có vợ và có 02 người con là Điền Nhất L và Điền Đức P. Sau khi cụ L chết, khoảng tháng 4/2011, ông B có bàn bạc với cụ phá bỏ căn nhà cũ xây dựng lại nhà mới nhưng cụ không đồng ý. Ông B và ông N cho rằng báo hiếu mẹ nên vẫn cương quyết xây. Tại thời điểm đó ông N đã trả chi phí xây dựng là 250.000.000đ. Cụ đã ở trong căn nhà từ đó cho đến nay. Vì phần công trình phụ tách bạch với diện tích ngôi nhà nên cụ thỏa thuận bán cho bà Nguyễn Thị M một phần diện tích khoảng 4,26m<sup>2</sup> với giá 90.000.000đ vào ngày 07/01/2012. Tuy nhiên, ngày 20/6/2020 giữa cụ và bà M đã thỏa thuận tự nguyện hoàn trả những gì hai bên đã nhận, nghĩa là cụ trả 90.000.000đ cho bà M, bà M trả lại diện tích công trình phụ cho cụ là 4,26m<sup>2</sup> (theo biên bản xem xét ngày 23/7/2020). Hai bên thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, nên cụ không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ngày 04/3/2020, các thành viên gia đình đã họp mặt để giải quyết vấn đề tài sản của cụ L nhưng không thành, vì ông Điền Hòa B cố tình vắng mặt. Nay cụ khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của cụ L để lại như sau: Cụ được thừa hưởng 50% đất tại 197/4 đường C, TP. QN, còn lại 50% chia 07 phần: Cụ và 06 người con. Cụ thống nhất về tài sản thừa kế là đất tại 197/4 đường C, TP. QN với giá là 2.084.400.000 đồng, trong đó diện tích nhà là 33,24m<sup>2</sup> với giá 60.000.000 đồng/m<sup>2</sup> (theo biên bản định giá ngày 23/7/2020) và 4,26m<sup>2</sup> với giá 90.000.000 đồng (giá mà cụ và bà M đã thỏa thuận). Cụ yêu cầu được nhận nhà và đất, thối lại kỷ phần thừa kế cho các thừa kế khác. Đồng thời, cụ yêu cầu ông B giao lại tất cả các giấy tờ liên quan cho cụ như: Giấy phép xây dựng nhà, bản thiết kế xây dựng nhà và giấy kiểm tra công trình nhà tại 197/4 đường C, TP. QN. Tại phiên tòa hôm nay, cụ không chấp nhận yêu cầu của

vợ chồng ông N và bà L trả giá trị xây dựng nhà là 200.601.000 đồng vì cụ đã già không có tiền, đợi khi có tiền cụ sẽ trả đủ cho ông N, bà L.

**\* Bị đơn ông Điền Hòa B trình bày:**

Ông thống nhất như lời trình bày của cụ Đ về tài sản thừa kế và về hàng thừa kế. Ông thống nhất vào khoảng tháng 4 năm 2011, ông có nhận của vợ chồng ông N, bà L số tiền 250.000.000đ để xây dựng nhà cho cụ Đ ở. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án giải quyết trả lại cho ông N tiền xây dựng nhà trước khi chia tài sản thừa kế. Tất cả các giấy tờ, chứng cứ như cụ Đ yêu cầu hiện nay ông đang cất giữ. Ông đồng ý trả lại tất cả giấy tờ (bản chính) theo yêu cầu của cụ Đ sau khi giải quyết xong việc chia thừa kế. Ngoài ra, vào năm 2011 cụ Đ có bán một phần diện tích công trình phụ cho bà M với giá 90.000.000đ. Tuy nhiên, hiện nay các bên đã giải quyết xong, ông không có ý kiến gì. Ông mong muốn để lại nhà và đất cho cụ Đ ở lúc tuổi già và để thờ cúng cụ L. Tuy nhiên, cụ Đ muốn đứng tên riêng chủ sở hữu nhà và đất nên đã khởi kiện yêu cầu chia thừa kế. Tại phiên tòa hôm nay, ông không có nhu cầu nhận tài sản thừa kế, cụ Đ có nhu cầu nhận di sản thừa kế thì thôi lại giá trị kỷ phần thừa kế cho ông.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Điền Hòa N trình bày: Ông thống nhất về tài sản thừa kế, hàng thừa kế như cụ Đ và ông B đã trình bày. Ông thống nhất đã chi phí xây dựng nhà vào tháng 4/2011 là 250.000.000đ và hóa giá nhà vào tháng 3/1993 là 3.871.500đ. Ông đề nghị Tòa án giải quyết số tiền xây dựng nhà theo biên bản định giá ngày 23/7/2020 là 200.601.000 đồng, còn đối với số tiền hóa giá nhà ông tự nguyện không yêu cầu. Ông không có ý kiến gì về việc thỏa thuận bán diện tích công trình phụ giữa cụ Đ và bà M. Nay cụ Đ yêu cầu chia thừa kế, ông đồng ý nhận kỷ phần thừa kế như cụ Đ trình bày. Ngoài ra, cụ Đ nhận nhà và đất có nghĩa vụ thanh toán giá trị xây dựng nhà là 200.601.000 đồng cho vợ chồng ông.

- Bà Hồ Thị Tuyết L trình bày: Thống nhất lời trình bày của ông N, vào tháng 4/2011 bà và ông N đã trả chi phí xây dựng nhà 197/4 đường C, TP. QN là 250.000.000đ. Tại thời điểm đó, nhà cụ Đ ở đã cũ, dột, nát và không an toàn cho cụ Đ. Ông N đi làm xa nên đã gọi điện thoại về nhà bàn bạc xây dựng nhà cho mẹ ở, chính bà là người đưa số tiền trên cho ông B để xây dựng nhà cho cụ Đ, số tiền này là tài sản chung của vợ chồng. Vợ chồng ông bà xây dựng nhà cho cụ Đ là để báo hiếu, với mong muốn cụ sống an nhàn lúc tuổi già, là nơi thờ cúng cụ L và con cháu đi về. Nhưng nay các bên yêu cầu chia thừa kế, bà yêu cầu trừ số tiền xây dựng nhà theo biên bản định giá ngày 23/7/2020 là 200.601.000 đồng cho vợ chồng bà trước khi chia thừa kế, không yêu cầu tính lãi suất, không yêu cầu tính chênh lệch giá.

- Ông Điền Hòa T2 trình bày: Ông thống nhất về tài sản thừa kế, hàng thừa kế như cụ Đ đã trình bày. Ông đồng ý chia thừa kế theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, việc ông B và ông N xây dựng nhà trên đất của cha mẹ khi chưa có sự đồng ý của các thành viên trong gia đình là bất hợp pháp. Vì vậy, ông đề nghị ông N và ông B phải cung cấp biên bản thỏa thuận đồng ý xây dựng nhà của tất cả các thành viên trong gia đình và cung cấp đầy đủ chứng từ hợp pháp liên quan đến số tiền 250.000.000đ. Tại

phiên tòa hôm nay, ông thống nhất về tài sản thừa kế là đất tại 197/4 đường C, TP. QN với giá là 2.084.400.000 đồng, trong đó diện tích nhà là 33,24 m<sup>2</sup> với giá 60.000.000 đồng/m<sup>2</sup> (theo biên bản định giá ngày 23/7/2020) và 4,26 m<sup>2</sup> với giá 90.000.000 đồng (giá mà cụ Đ và bà M đã thỏa thuận). Riêng phần nhà, đề nghị ông N và ông B dịch chuyển nhà đi nơi khác, trả lại ngôi nhà cũ cho cụ Đ. Ông không có ý kiến gì về việc thỏa thuận bán diện tích công trình phụ giữa cụ Đ và bà M. Ông đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết về vấn đề này. Hiện nay bà M vẫn đang sử dụng công trình phụ này, việc sử dụng này có sự đồng ý của cụ Đ. Ông đồng ý yêu cầu của cụ Đ là giao tài sản thừa kế cho cụ Đ và nhận ký phần thừa kế từ cụ Đ.

- *Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Diên Thị Thanh H, ông Diên Hòa B, anh Diên Nhất L, anh Diên Đức P là ông Diên Hòa T2 trình bày:* Ý kiến của những người ủy quyền cho ông thống nhất ý kiến của ông.

- *Bà Nguyễn Thị M trình bày:* Nhà bà ở phía sau nhà cụ Đ và đều được nhà nước hóa giá. Khoảng tháng 4/2011 khi xây dựng nhà, cụ Đ đã xây dựng công trình phụ trong nhà còn phần công trình phụ cũ cách nhà cụ Đang 2,5m (sát nhà bà) không sử dụng nên ngày 07/01/2012 cụ Đ thỏa thuận bán cho bà với diện tích 4,26m<sup>2</sup> (theo biên bản xem xét ngày 23/7/2020) với giá 90.000.000đ. Tuy nhiên, ngày 20/6/2020 giữa cụ Đ và bà đã thỏa thuận tự nguyện hoàn trả những gì hai bên đã nhận, nghĩa là cụ Đ trả 90.000.000đ cho bà, bà đã trả lại diện tích 4,26m<sup>2</sup> công trình phụ cho cụ Đ. Như vậy, giữa bà và cụ Đ đã thỏa thuận xong nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay, được sự cho phép của cụ Đ, bà vẫn đang sử dụng công trình phụ này.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72 và 73 BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 633, 634, 635, 675, 676, 377 Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2005; Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688 BLDS năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Đ về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật; Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N, bà L; Giao cho cụ Đ sở hữu, sử dụng nhà đất số 197/4 đường C, TP. QN; Cụ Đ có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông N, bà L giá trị phần xây dựng nhà là 200.601.000 đồng; Cụ Đ có nghĩa vụ thanh toán phần di sản của cụ L để lại mà các đồng thừa kế được hưởng, cụ thể: bà H, ông B, ông N, ông B và ông T số tiền 148.886000 đồng/người, anh L và anh P số tiền 74.443.000 đồng/người; Ghi nhận sự tự nguyện của ông B về việc giao lại các giấy tờ liên quan cho cụ Đ như: Giấy phép xây dựng nhà, hoàn công, bản thiết kế được phê duyệt của nhà đất số 197/4 đường C, TP. QN sau khi chia thừa kế.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung tranh chấp của các đương sự, HĐXX xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “tranh chấp về thừa kế tài sản” (khoản 5 Điều 26 BLTTDS), thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn (điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS).

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thời điểm mở thừa kế và thời hiệu thừa kế: Cụ Điền Hòa L chết vào ngày 06/4/2008, không để lại di chúc. Vì vậy thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết (theo khoản 1 Điều 611 BLDS 2015).

Theo Án lệ số 26/2018/AL về xác định thời điểm bắt đầu tính thời hiệu và thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế là bất động sản được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2018 và được công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì “Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế”. HĐXX xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 623 và điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 và theo Án lệ số 26/2018/AL, có đủ cơ sở để xác định thời hiệu thừa kế vẫn còn.

[2.2] Về hàng thừa kế: Các đương sự thống nhất, lúc sinh thời vợ chồng cụ Trần Thị Đ và cụ Điền Hòa L (chết ngày 06/4/2008) sinh được 06 người con. Cụ L không có con riêng, con nuôi nào khác và cha mẹ của cụ L đều đã chết từ lâu. HĐXX xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ L là cụ Đ và 06 người con gồm các ông bà: Điền Thị Thanh H, Điền Hòa B, Điền Hòa N, Điền Hòa T1 (chết ngày 22/5/2001), Điền Hòa B và Điền Hòa T2 (theo điểm a khoản 1 Điều 651 BLDS 2015). Tuy nhiên, ông Điền Hòa T đã chết trước cụ L, sinh thời ông T1 có 02 người con là anh Điền Nhất L và anh Điền Đức P nên HĐXX xác định anh P và anh L là người thừa kế thế vị, được hưởng phần di sản mà ông T1 được hưởng nếu còn sống (theo Điều 652 BLDS 2015).

[2.3] Về tài sản thừa kế: Các đương sự thống nhất nhà và đất tại 197/4 đường C, TP. QN là tài sản chung của cụ Trần Thị Đ và cụ Điền Hòa L. Nhà và đất này đã được cấp sổ chứng nhận quyền sở hữu nhà số 4323/CNSH cấp ngày 10/7/1993 đứng tên chủ sở hữu là ông Điền Hòa L và bà Trần Thị Đ. Tuy nhiên, tháng 4/2011, ngôi nhà tại 197/4 đường C, TP. QN được xây dựng mới, chi phí xây dựng nhà do vợ chồng ông Điền Hòa N và bà Hồ Thị Tuyết L chi trả là 250.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự thống nhất di sản của cụ Lợi để lại là  $\frac{1}{2}$  đất tại 197/4 đường C, TP. QN, ngoài ra ông L không còn tài sản nào khác.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 23/7/2020 thì giá trị quyền sử dụng đất là 60.000.000đ/m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay các đương sự thống nhất công trình phụ với diện tích là 4,26m<sup>2</sup> giá 90.000.000 đồng (giá mà cụ Đ và bà M đã thỏa thuận).

Vì vậy, giá trị quyền sử dụng 37,5m<sup>2</sup> đất là: 60.000.000đ/m<sup>2</sup> x 33,24m<sup>2</sup> = 1.994.400.000 đồng + 90.000.000 đồng = 2.084.400.000 đồng.

Như vậy, tài sản thừa kế cụ Lợ để lại là 2.084.400.000: 2 = 1.042.200.000 đồng.

[2.4] Về phân chia tài sản thừa kế: Di sản cụ L được chia thành 7 phần, giá trị mỗi phần là 1.042.200.000 đồng : 7 = 148.886.000 đồng. Như vậy, cụ Đ, bà H, ông B, ông N, ông B và ông T2 mỗi người được chia 148.886.000 đồng. Các thừa kế thế vị của ông T1 là anh P, anh L được chia chung 148.886.000 đồng.

Do tài sản thừa kế của cụ L là  $\frac{1}{2}$  trong khối tài sản chung với cụ Đ, hơn nữa hiện nay cụ Đ là người đang quản lý, sử dụng nhà và đất tại 197/4 đường C, TP. QN nên chia cụ Đ bằng hiện vật. Cụ Đ phải có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế khác. Cụ thể: Cụ Đ phải giao cho các ông bà: Điền Thị Thanh H, Điền Hòa B, Điền Hòa N, Điền Hòa B và Điền Hòa T2 mỗi người 148.886.000 đồng; giao chung cho các thừa kế thế vị của ông T1 là anh Điền Đức P, anh Điền Nhất L 148.886.000 đồng.

[2.5] Cụ Đ và ông T2 không chấp nhận yêu cầu độc lập của vợ chồng ông N và bà L về việc yêu cầu thanh toán giá trị xây dựng nhà theo biên bản định giá tài sản ngày 23/7/2020 là 200.601.000 đồng. HĐXX xét: Việc báo hiếu, lo cho cha mẹ an nhàn lúc cha mẹ về già là nghĩa vụ của người con khi trưởng thành. Ông N, bà L đã trả chi phí xây dựng nhà cho cụ Đ tại thời điểm tháng 4/2011 là 250.000.000 đồng, cũng nhằm mục đích báo hiếu, để nơi thờ cúng cụ L được khang trang và là nơi để con cháu đi về. Tuy nhiên, nay cụ Đ yêu cầu chia thừa kế, các đương sự thống nhất tài sản thừa kế của cụ L là phần đất, thừa nhận giá trị xây dựng nhà không phải là tài sản thừa kế mà của vợ chồng ông N và bà L. Vì vậy, cụ Đ nhận hiện vật tài sản thừa kế là đất thì phải nhận cả nhà trên đất, thanh toán lại giá trị xây dựng nhà theo biên bản định giá tài sản ngày 23/7/2020 là 200.601.000 đồng cho ông N và bà L là phù hợp. Không chấp nhận lời trình bày của ông T2 cho rằng ông N và ông B phải dịch chuyển ngôi nhà đi nơi khác, trả lại nhà cũ và phần đất cho cụ Đ vì không thỏa đáng, không phù hợp với thực tế. Không chấp nhận lời trình bày của cụ Đ cho rằng cụ đã già không có tiền, đợi khi có tiền cụ sẽ trả đủ giá trị xây dựng nhà cho ông N, bà L vì không được ông N, bà L chấp nhận và không phù hợp quy định pháp luật.

[2.6] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết phần công trình phụ của nhà và đất tại 197/4 đường C, TP. QN giữa bà Nguyễn Thị M và cụ Trần Thị Đ. Xét việc cụ Đ cho bà M sử dụng công trình phụ là quyền tự định đoạt của cụ Đ nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.7] Ông Bắc tự nguyện giao các giấy tờ (bản chính) liên quan đến nhà và đất tại 197/4 đường C, TP. QN như giấy phép xây dựng nhà, hồ sơ thiết kế nhà và biên bản kiểm tra công trình cho cụ Đ. Vì vậy, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của ông B về việc giao lại các giấy tờ trên cho cụ Đ.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí:

[3.1] Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 157; Điều 158; Điều 165 và Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã tự nguyện nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm

định tại chỗ 2.000.000 đồng và chi phí định giá tài sản 3.000.000 đồng, tổng cộng là 5.000.000 đồng. Cụ Đ đã nộp đủ chi phí xem xét và định giá tài sản.

[3.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Cụ Trần Thị Đ không phải chịu án phí; Các ông bà Điền Thị Thanh H, Điền Hòa B, Điền Hòa N, Điền Hòa B và Điền Hòa T2 mỗi người phải chịu 7.444.000 đồng án phí; các anh Điền Đức P, Điền Nhất L phải chịu 7.444.000 đồng án phí; Vợ chồng ông Điền Hòa N và bà Hồ Thị Tuyết L không phải chịu án phí đối với yêu cầu độc lập nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 đồng.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 611, Điều 612, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 660 và điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Án lệ số 26/2018/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2018.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Trần Thị Đ về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Điền Hòa L.

2. Xác định tài sản thừa kế của cụ Điền Hòa L là ½ đất tại 197/4 đường C, TP. QN. Trị giá tài sản thừa kế là 1.042.200.000 đồng.

3. Xác định những người được hưởng thừa kế của cụ Điền Hòa L là cụ Trần Thị Đ, bà Điền Thị Thanh H, ông Điền Hòa B, ông Điền Hòa N, ông Điền Hòa B, ông Điền Hòa T2 và các thừa kế thế vị của ông Điền Hòa T1 là anh Điền Đức P, anh Điền Nhất L.

4. Giao cho cụ Trần Thị Đ được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với nhà và đất tại 197/4 đường C, TP. QN (đã được cấp sổ chứng nhận quyền sở hữu nhà số 4323/CNSH cấp ngày 10/7/1993 đứng tên chủ sở hữu là ông Điền Hòa L và bà Trần Thị Đ).

Cụ Trần Thị Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bà Điền Thị Thanh H, ông Điền Hòa B, ông Điền Hòa N, ông Điền Hòa B, ông Điền Hòa T2 mỗi người số tiền 148.886.000 đồng.

Cụ Trần Thị Đ có nghĩa vụ thanh toán chung cho các thừa kế thế vị là anh Điền Đức P, anh Điền Nhất L số tiền 148.886.000 đồng.

**5.** Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Điền Hòa N, bà Hồ Thị Tuyết L về việc yêu cầu cụ Trần Thị Đ thanh toán giá trị xây dựng nhà.

Buộc cụ Trần Thị Đ có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông Điền Hòa N, bà Hồ Thị Tuyết L giá trị xây dựng nhà là 200.601.000 đồng.

**6.** Các đương sự không yêu cầu giải quyết phần công trình phụ của nhà và đất tại 197/4 đường C, TP. QN giữa bà Nguyễn Thị M và cụ Trần Thị Đ nên HĐXX không xem xét giải quyết.

**7.** Ghi nhận sự tự nguyện của ông Điền Hòa B về việc giao lại cho cụ Trần Thị Đ các giấy tờ (bản chính) liên quan đến nhà và đất tại 197/4 đường C, TP. QN như giấy phép xây dựng nhà, hồ sơ thiết kế nhà và biên bản kiểm tra công trình.

**8.** Không chấp nhận lời trình bày của ông Điền Hòa T cho rằng ông Điền Hòa N và ông Điền Hòa B phải dịch chuyển ngôi nhà đi nơi khác, trả lại nhà cũ và phần đất cho cụ Đ vì không thỏa đáng, không phù hợp với thực tế.

**9.** Không chấp nhận lời trình bày của cụ Trần Thị Đ cho rằng cụ đã già không có tiền, đợi khi có tiền cụ sẽ trả đủ giá trị xây dựng nhà cho ông N, bà L vì không phù hợp quy định pháp luật.

**10.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

**10.1.** Cụ Trần Thị Đ không phải chịu án phí.

**10.2.** Các ông bà Điền Thị Thanh H, Điền Hòa B, Điền Hòa N, Điền Hòa B và Điền Hòa T2 mỗi người phải chịu 7.444.000 đồng.

**10.3.** Các anh Điền Đức P, anh Điền Nhất L phải chịu 7.444.000đ án phí.

**10.4.** Vợ chồng ông Điền Hòa N và bà Hồ Thị Tuyết L không phải chịu án phí nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.250.000 đồng, theo biên lai số 0008319 ngày 05/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn.

**11.** Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn cụ Trần Thị Đ đã tự nguyện nộp tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản, tổng cộng là 5.000.000 đồng. Cụ Đ đã nộp đủ.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.*

**12.** Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt



khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. QN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phạm Thị Huy Huệ**



